



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIÊN PHONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
QUÝ III NĂM 2017**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cho Quý II năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Bá Phúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên
Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Thành viên
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Vũ Thị Minh Nhật	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên
Ông Praween Wirotpan	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Quốc Trường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhật Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Bảo	Kế toán trưởng

### **TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

**MÃ SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,353,590,504,563</b>	<b>1,928,022,123,466</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>351,375,706,853</b>	<b>99,241,691,586</b>
1. Tiền	111		331,375,706,853	79,241,691,586
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000,000	20,000,000,000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,315,736,664,850</b>	<b>1,125,364,268,224</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1,138,275,400,193	935,775,820,084
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		173,957,357,634	65,677,046,301
3. Phải thu cho vay ngắn hạn	133		15,461,572,866	15,461,572,866
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	6	7,826,028,079	128,135,331,039
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(19,783,693,922)	(19,685,502,066)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>685,919,654,333</b>	<b>686,912,953,454</b>
1. Hàng tồn kho	141		691,268,651,125	692,261,950,246
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5,348,996,792)	(5,348,996,792)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>558,478,527</b>	<b>16,503,210,202</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	15,946,243,033
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		558,478,527	556,967,169
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,523,323,599,592</b>	<b>1,404,047,569,478</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>953,699,853,217</b>	<b>958,562,078,395</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	923,363,370,966	926,722,093,683
- Nguyên giá	222		1,720,869,512,597	1,590,595,772,430
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(797,506,141,631)	(663,873,678,747)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	30,336,482,251	31,839,984,712
- Nguyên giá	228		34,970,529,169	34,970,529,169
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,634,046,918)	(3,130,544,457)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>290,536,987,459</b>	<b>211,877,152,369</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	290,536,987,459	211,877,152,369
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>265,094,068,600</b>	<b>218,310,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		131,100,000,000	131,100,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		105,695,883,000	110,843,883,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53,432,068,600	1,500,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính DH	254		(25,133,883,000)	(25,133,883,000)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13,992,690,316</b>	<b>15,298,338,714</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		13,992,690,316	15,298,338,714
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3,876,914,104,155</b>	<b>3,332,069,692,944</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

MÃ SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,935,755,792,683</b>	<b>1,557,483,159,846</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,659,521,236,896</b>	<b>1,370,213,748,742</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	106,339,001,337	146,993,103,901
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,767,812,836	1,724,145,838
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	16,344,204,320	42,566,970,837
4. Phải trả người lao động	314		56,118,519,650	60,159,202,759
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	131,746,485,267	87,398,533,356
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	54,964,251,023	35,114,781,501
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		1,272,978,414,736	996,151,543,850
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19,262,547,727	105,466,700
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>276,234,555,787</b>	<b>187,269,411,104</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		263,234,555,787	174,269,411,104
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		13,000,000,000	13,000,000,000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,941,158,311,472</b>	<b>1,774,586,533,098</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>1,940,518,311,472</b>	<b>1,773,946,533,098</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		892,407,680,000	743,673,070,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		732,244,784,945	722,568,011,805
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		315,865,846,527	307,705,451,293
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>640,000,000</b>	<b>640,000,000</b>
1. Nguồn kinh phí	432		640,000,000	640,000,000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3,876,914,104,155</b>	<b>3,332,069,692,944</b>



Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

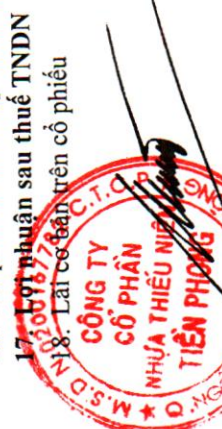
Trần Ngọc Bảo  
Kế toán trưởng

Lưu Thị Mai  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Quý III năm 2017*

**MÃ SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	1,206,983,926,494	1,092,727,228,754	3,140,535,064,506	2,925,064,723,480
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4,150,931,872	3,110,319,536	9,002,181,992	7,431,823,578
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	1,202,832,994,622	1,089,616,909,218	3,131,532,882,514	2,917,632,899,902
4. Giá vốn hàng bán	11		850,720,383,249	805,408,677,899	2,185,432,640,526	2,046,194,316,652
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		352,112,611,373	284,208,231,319	946,100,241,988	871,438,583,250
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	49,043,414,001	42,678,827,568	116,524,700,466	131,008,001,561
7. Chi phí tài chính	22	18	20,505,931,907	13,084,556,970	54,142,949,524	40,683,937,130
8. Chi phí bán hàng	25		243,512,001,303	187,730,339,993	578,661,690,083	552,039,220,915
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		41,331,492,243	37,411,797,872	120,167,496,208	106,860,368,143
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		95,806,599,921	88,660,364,052	309,652,806,639	302,863,058,623
11. Thu nhập khác	31		397,836,309	188,149,684	1,911,058,745	8,421,286,072
12. Chi phí khác	32		952,847,145	30,729,418	1,104,868,867	6,757,218,205
13. Lợi nhuận khác	40		(555,010,836)	157,420,266	806,189,878	1,664,067,867
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		95,251,589,085	88,817,784,318	310,458,996,517	304,527,126,490
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	9,465,595,943	9,418,962,845	39,188,647,211	35,219,000,532
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		85,785,993,142	79,398,821,473	271,270,349,306	269,308,125,958
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	961	890	3,040	3,018



Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Bảo  
Kế toán trưởng

Lưu Thị Mai  
Người lập

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

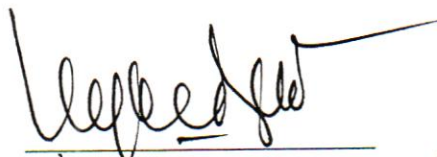
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Quý III năm 2017

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>310,458,996,517</b>	<b>304,527,126,490</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	137,676,120,547	125,579,997,409
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(108,529,442,650)	(129,355,649,963)
- Chi phí lãi vay	06	53,896,650,387	40,592,874,689
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi VLD</b>	<b>08</b>	<b>393,502,324,801</b>	<b>341,344,348,625</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(82,771,833,799)	145,813,441,294
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	993,299,121	134,375,638,713
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	53,250,526,965	1,332,579,374
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	17,251,891,431	39,507,303,840
- Tiền lãi vay đã trả	14	(54,957,071,439)	(41,725,423,753)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(43,957,927,852)	(44,534,088,747)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3,999,999,905)	(2,041,700,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>279,311,209,323</b>	<b>574,072,099,346</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(272,876,969,754)	(172,467,863,082)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(46,784,068,600)	-
3. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,059,135,729	108,156,665
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(318,601,902,625)</b>	<b>(172,359,706,417)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2,365,358,226,959	1,819,961,820,566
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,999,566,211,390)	(2,027,645,234,100)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(74,367,307,000)	(154,932,737,500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>291,424,708,569</b>	<b>(362,616,151,034)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>252,134,015,267</b>	<b>39,096,241,895</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>99,241,691,586</b>	<b>231,911,076,815</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>351,375,706,853</b>	<b>271,007,318,710</b>



Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc

  
Trần Ngọc Bảo  
Kế toán trưởng

  
Lưu Thị Mai  
Người lập

Ngày 19 tháng 10 năm 2017



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiên Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 17 tháng 08 năm 2004.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 12 số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp vào ngày 08 tháng 07 năm 2016.

**Trụ sở chính:** Số 02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- Hoạt động cho thuê tài chính, đầu tư tài chính;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính đã được niêm yết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>2017</b>
<b>Tài sản</b>	<b>(Số năm sử dụng)</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Chi phí phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đã hết giai đoạn miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng đúng 20% theo các quy định hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	378,603,342	68,693,711
Tiền gửi ngân hàng	330,997,103,511	79,172,997,875
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	20,000,000,000	20,000,000,000
	<b><u>351,375,706,853</u></b>	<b><u>99,241,691,586</u></b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
CTY TNHH TM Hà Dung	11,675,784,961	12,841,601,009
Cty TNHH TM Nam Phương	123,481,693,124	171,702,703,472
Cty TNHH TM Thái Hoà	158,598,681,531	138,687,509,001
Cty TNHH Tam phước	138,533,707,696	148,366,811,243
Các đối tượng khác	18,448,263,949	17,554,270,313
<b>Phải thu khách hàng các bên liên quan</b>		
CTY TNHH TM XNK Minh Hải	377,564,392,549	325,767,968,121
Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam	309,972,876,383	120,854,956,925
	<b><u>1,138,275,400,193</u></b>	<b><u>935,775,820,084</u></b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	164,354,692	166,659,092
Phải thu công ty con		122,615,532,614
Tạm ứng cán bộ nhân viên	1,767,170,685	1,136,432,300
Ký quỹ ngắn hạn	1,392,000,000	848,000,000
Phải thu khác	4,502,502,702	3,368,707,033
	<b><u>7,826,028,079</u></b>	<b><u>128,135,331,039</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	324,366,830	114,189,768,261
Nguyên liệu, vật liệu	427,021,094,753	420,162,451,512
Công cụ, dụng cụ	7,883,479,766	4,171,147,333
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	80,054,498,299	48,931,783,816
Thành phẩm	175,985,211,477	104,806,799,324
	<b><u>691,268,651,125</u></b>	<b><u>692,261,950,246</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5,348,996,792)	(5,348,996,792)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho</b>	<b><u>685,919,654,333</u></b>	<b><u>686,912,953,454</u></b>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (phụ lục 01)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	32,469,506,946	2,501,022,223	34,970,529,169
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/09/2017	<b>32,469,506,946</b>	<b>2,501,022,223</b>	<b>34,970,529,169</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	(3,026,335,198)	(104,209,259)	(3,130,544,457)
Khấu hao trong kỳ	(565,619,130)	(937,883,331)	(1,503,502,461)
Tại ngày 30/09/2017	<b>(3,591,954,328)</b>	<b>(1,042,092,590)</b>	<b>(4,634,046,918)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/09/2017	<b>28,877,552,618</b>	<b>1,458,929,633</b>	<b>30,336,482,251</b>
Tại ngày 01/01/2017	<b>29,443,171,748</b>	<b>2,396,812,964</b>	<b>31,839,984,712</b>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
XDCB nhà máy tại Quận Dương Kinh, Hải Phòng	278,472,730,415	201,582,642,962
Khác	12,064,257,044	10,294,509,407
	<b>290,536,987,459</b>	<b>211,877,152,369</b>

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào công ty con	131,100,000,000	131,100,000,000
- Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong MT	120,000,000,000	120,000,000,000
- Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong	11,100,000,000	11,100,000,000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	105,695,883,000	110,843,883,000
- Công ty TNHH LD Nhựa Tiền Phong SMP	23,798,883,000	23,798,883,000
- CT CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam	76,500,000,000	76,500,000,000
- Công ty CP Bao bì Tiền Phong	5,397,000,000	5,397,000,000
- Công ty CP Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	-	5,148,000,000
Đầu tư khác vào công cụ vốn	53,432,068,600	1,500,000,000
- Công ty TNHH MTV KD Nước sạch Nam Định (*)	46,784,068,600	-
- Công ty CP Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	5,148,000,000	-
- Đầu tư dài hạn khác	1,500,000,000	1,500,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(25,133,883,000)	(25,133,883,000)
	<b>265,094,068,600</b>	<b>218,310,000,000</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty thực hiện đầu tư mua 4.623.086 cổ phần Công ty TNHH MTV KD Nước sạch Nam Định với giá 10.100 VND/cổ phần, chiếm 13,5% vốn điều lệ Công ty Cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
ITOCHU CORPORATION	5,800,588,200	31,850,627,385
MITSUBISHI CORPORATION	-	42,132,046,200
Đối tượng khác	30,954,814,827	71,843,556,091
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>		
Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam	68,715,296,942	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Tiền Phong	868,301,368	1,166,874,225
	<b><u>106,339,001,337</u></b>	<b><u>146,993,103,901</u></b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11,249,661,651	22,892,481,219
Thuế xuất nhập khẩu	355,436,176	355,436,176
Thuế thu nhập cá nhân	566,804,984	10,795,897,340
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,172,301,509	8,523,156,102
	<b><u>16,344,204,320</u></b>	<b><u>42,566,970,837</u></b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Chiết khấu bán hàng	122,041,563,782	68,158,235,544
Phải trả các nhà thầu	1,140,910,000	1,140,910,000
Chi phí vận chuyển	3,489,249,684	7,042,812,045
Lãi vay	2,859,449,712	3,919,870,764
Chi phí phải trả khác	2,215,312,089	7,136,705,003
	<b><u>131,746,485,267</u></b>	<b><u>87,398,533,356</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1,436,456,591	922,009,519
Bảo hiểm	231,119,060	659,019,701
Nhận ký quỹ	11,458,825,500	10,784,475,500
Khác	41,837,849,872	22,749,276,781
	<b><u>54,964,251,023</u></b>	<b><u>35,114,781,501</u></b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (phụ lục 02)**

**17. DOANH THU**

	<u>Quý III 2017</u>	<u>Quý III 2016</u>
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1,206,983,926,494</b>	<b>1,092,727,228,754</b>
Doanh thu bán sản phẩm	1,155,017,178,451	1,026,816,968,667
Doanh thu khác	51,966,748,043	65,910,260,087
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>4,150,931,872</b>	<b>3,110,319,536</b>
Hàng bán trả lại	4,150,931,872	3,110,319,536
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1,202,832,994,622</u></b>	<b><u>1,089,616,909,218</u></b>

*Trong đó: Doanh thu được phân theo khu vực địa lý và loại hình kinh doanh như sau:*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Doanh thu theo khu vực địa lý**

	Quý III 2017	Quý III 2016
	VND	VND
Doanh thu bán sản phẩm	1,155,017,178,451	1,026,816,968,667
- Trong nước	1,151,809,144,081	1,025,010,283,796
- Xuất khẩu	3,208,034,370	1,806,684,871
Doanh thu khác	51,966,748,043	65,910,260,087
- Trong nước	51,603,053,543	65,910,260,087
- Xuất khẩu	363,694,500	-
	<b>1,206,983,926,494</b>	<b>1,092,727,228,754</b>

**Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh**

Hiện tại Công ty chỉ kinh doanh sản xuất các sản phẩm nhựa xây dựng, chủ yếu là ống cấp thoát nước, chưa có các hoạt động kinh doanh khác.

**18. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý III 2017	Quý III 2016
	VND	VND
<b>Doanh thu tài chính</b>		
<b>Doanh thu tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	1,059,135,729	108,156,665
Lãi chênh lệch tỷ giá	60,668,900	847,700,810
Cổ phiếu thưởng từ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam	7,650,000,000	-
Lợi nhuận chưa phân phối nhận từ Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung (*)	40,273,609,372	41,722,970,093
	<b>49,043,414,001</b>	<b>42,678,827,568</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	20,396,549,486	13,062,241,328
Lỗ chênh lệch tỷ giá	109,382,421	22,315,642
	<b>20,505,931,907</b>	<b>13,084,556,970</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính</b>	<b>28,537,482,094</b>	<b>29,594,270,598</b>

(\*) Toàn bộ lợi nhuận của Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung đã được kết chuyển vào thu nhập hoạt động tài chính của Công ty mẹ

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Quý III 2017	Quý III 2016
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	95,251,589,085	88,817,784,318
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(47,923,609,372)	(41,722,970,093)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>47,327,979,713</b>	<b>47,094,814,225</b>
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 20%	47,327,979,713	47,094,814,225
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>9,465,595,943</b>	<b>9,418,962,845</b>

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Quý III 2017	Quý III 2016
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	85,785,993,142	79,398,821,473
Số BQ gia quyền của cổ phiếu phổ thông	89,240,768	89,240,768
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>961</b>	<b>890</b>

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Giao dịch mua bán hàng hóa:**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Công ty TNHH Nhựa Tiên Phong Miền Trung	Công ty con	Bán hàng	108,571,394,302
		Khác	1,464,305,430
		Chuyển lợi nhuận	40,273,609,372
		Mua hàng	90,519,713,280
Công ty Cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty liên kết	Mua hàng	143,631,045,686
		Bán hàng	101,200,135,635
Công ty CP Bao bì Tiên Phong	Công ty liên kết	Mua hàng	3,469,685,428
Công ty TNHH XNK Minh Hải	Bên liên quan khác	Bán hàng	290,208,068,226

**Số dư với các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty liên kết	Bán hàng	309,972,876,383
Công ty TNHH XNK Minh Hải	Bên liên quan khác	Bán hàng	377,564,392,549
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty CP Bao bì Tiên Phong	Công ty liên kết	Mua hàng	868,301,368
Công ty TNHH Nhựa Tiên Phong Miền Trung	Công ty con	khác	30,655,865,472
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam	Công ty liên kết	Mua hàng	68,715,296,942
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty TNHH Nhựa Tiên Phong SMP	Công ty Liên doanh	Bán hàng	48,077,953
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty CP Bao bì Tiên Phong	Công ty liên kết	Cho vay	15,461,572,866

**22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty Quý III năm 2016.



Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Bảo  
Kế toán trưởng

Lưu Thị Mai  
Người lập

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**Phụ lục 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	783,757,646,901	690,889,429,365	99,943,073,435	16,005,622,729	1,590,595,772,430
Đầu tư XDCB hoàn thành	38,862,980,216	74,583,838,006	17,675,622,538	1,823,221,873	132,945,662,633
Điều chuyển tài sản với công ty con		(304,146,424)			(304,146,424)
Thanh lý, nhượng bán		(1,978,587,242)	(389,188,800)		(2,367,776,042)
Tại ngày 30/09/2017	<b>822,620,627,117</b>	<b>763,190,533,705</b>	<b>117,229,507,173</b>	<b>17,828,844,602</b>	<b>1,720,869,512,597</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	(197,909,350,986)	(406,289,793,055)	(48,192,749,845)	(11,481,784,861)	(663,873,678,747)
Khấu hao trong kỳ	(47,650,832,508)	(74,154,736,124)	(12,281,532,108)	(2,085,517,346)	(136,172,618,086)
Điều chuyển tài sản với công ty con		304,146,424			304,146,424
Thanh lý, nhượng bán		1,846,819,978	389,188,800		2,236,008,778
Tại ngày 30/09/2017	(245,560,183,494)	(478,293,562,777)	(60,085,093,153)	(13,567,302,207)	(797,506,141,631)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/09/2017	<b>577,060,443,623</b>	<b>284,896,970,928</b>	<b>57,144,414,020</b>	<b>4,261,542,395</b>	<b>923,363,370,966</b>
Tại ngày 01/01/2017	<b>585,848,295,915</b>	<b>284,599,636,310</b>	<b>51,750,323,590</b>	<b>4,523,837,868</b>	<b>926,722,093,683</b>

**Trong đó:**

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng : 309.224.612.740 VND  
Nguyên giá TSCĐ dùng để thế chấp : 923.363.370.966 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**Phụ lục 02: VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	619,730,950,000	664,053,783,058	-	397,992,902,541	1,681,777,635,599	-	1,681,777,635,599	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	376,160,914,667	376,160,914,667	-	376,160,914,667	
Tăng vốn	123,942,120,000	(123,942,120,000)	-	-	-	-	-	
Cổ tức đã trả	-	-	-	(266,483,698,000)	(266,483,698,000)	-	(266,483,698,000)	
Trích lập các quỹ	-	182,456,348,747	-	(196,114,667,819)	(13,658,319,072)	-	(13,658,319,072)	
Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(3,850,000,096)	(3,850,000,096)	-	(3,850,000,096)	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>743,673,070,000</b>	<b>722,568,011,805</b>	-	<b>307,705,451,293</b>	<b>1,773,946,533,098</b>	-	<b>1,773,946,533,098</b>	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	271,270,349,306	271,270,349,306	-	271,270,349,306	
Tăng vốn	148,734,610,000	-	-	(148,734,610,000)	-	-	-	
Trích lập các quỹ	-	9,676,773,140	-	(36,008,037,167)	(26,331,264,027)	-	(26,331,264,027)	
Cổ tức trong kỳ	-	-	-	(74,367,307,000)	(74,367,307,000)	-	(74,367,307,000)	
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(3,999,999,905)	(3,999,999,905)	-	(3,999,999,905)	
<b>Số dư tại ngày 30/09/2017</b>	<b>892,407,680,000</b>	<b>732,244,784,945</b>	-	<b>315,865,846,527</b>	<b>1,940,518,311,472</b>	-	<b>1,940,518,311,472</b>	